

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **87/2019/HNGĐ – ST**

Ngày: 19-11-2019

"V/v tranh chấp: Không công nhận
quan hệ vợ chồng"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Lê Thị Thận;

2/ Ông Nguyễn Quang Liêu;

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Vinh – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham
gia phiên tòa:** Ông Trương Thanh Tuấn – Kiểm sát viên

Trong ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh
Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số
394/2019/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2019, về việc “Không công nhận
quan hệ vợ chồng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐST – HNGĐ
ngày 30 tháng 10 năm 2019 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị L, sinh năm: 1984

Nơi cư trú: Thôn 2, xã Ph, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn V, sinh năm: 1982

HKTT: Thôn 2, xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang

Nơi cư trú: Thôn 2, xã Ph, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 9 năm 2019 và trong quá trình xét xử,
nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn V tự nguyện tìm hiểu và
chung sống với nhau từ năm 2013, do giấy tờ đi đăng ký kết hôn bị trục
trắc nên không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình

chung sống thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do về vấn đề chi tiêu, quản lý tiền bạc, vợ chồng có những bất đồng trong sinh hoạt, suy nghĩ, quan điểm sống. Anh Nguyễn Văn V thường hay đánh đập, chửi mắng chị từ những việc nhỏ nhất trong gia đình. Lần gần nhất anh Nguyễn Văn V đánh chị vào khoảng tháng 5, tháng 6 năm 2019. Ngoài ra anh Nguyễn Văn V không quan tâm chăm sóc cho gia đình. Hiện nay chị không muốn chung sống với anh Nguyễn Văn V nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Nguyễn Văn V.

Về nuôi con chung: Chị và anh Nguyễn Văn V có 03 con chung tên là Nguyễn Tiến H, sinh năm 2005; Nguyễn Văn H, sinh năm 2009 và Trần Nguyễn Tiến Th, sinh năm 2014. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu nhỏ. Giao cháu lớn Nguyễn Tiến H cho anh Việt chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Không yêu cầu giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Nợ ngân hàng chính sách xã hội V – Phòng giao dịch huyện B số tiền 12.000.000đ. Tuy nhiên, chị và anh Nguyễn Văn V tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn V vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận anh và chị Trần Thị L chung sống với nhau từ năm 2003 nhưng không đăng ký kết hôn do giấy tờ để đi đăng ký kết hôn có trục trặc nên không đăng ký được. Khi vợ chồng chung sống thì giữa vợ chồng có xảy ra một chút mâu thuẫn, cãi vã nhưng không có xô xát với nhau. Hiện nay anh và chị Trần Thị L vẫn sống chung nhà. Tuy nhiên chị Trần Thị L không muốn tiếp tục chung sống thì anh đồng ý không tiếp tục quan hệ vợ chồng nữa.

Về nuôi con chung: Anh thống nhất với lời khai của chị Trần Thị L về con chung. Trường hợp vợ chồng không chung sống nữa thì anh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 03 con chung.

Không yêu cầu giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh nhất trí với lời khai của chị Trần Thị L. Về số nợ này các bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định về tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Trần Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tư cách tham gia tố tụng: Chị Trần Thị L anh Nguyễn Văn V khai nhận anh chị có vay vốn tại Ngân hàng chính sách xã hội V – Phòng giao dịch huyện B, chi nhánh tỉnh Bình Phước. Tuy nhiên, số nợ này anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết. Ngân hàng chính sách xã hội V xác nhận lời khai của chị Trần Thị L anh Nguyễn Văn V. Ngân hàng chính sách xã hội V không yêu cầu giải quyết số nợ này và từ chối tham gia tố tụng trong vụ án này. Do đó, căn cứ vào khoản 6 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử xác định Ngân hàng chính sách xã hội V không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên Hội đồng xét xử không đưa Ngân hàng chính sách xã hội V tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn V đều thừa nhận anh chị tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003, tuy nhiên do không hiểu biết pháp luật nên không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch”*. Như vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình xác định việc chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn V chung sống với nhau mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng.

[3] Về yêu cầu giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng: Xét thấy, việc chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn V chung sống với nhau mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Chị Trần Thị L anh Nguyễn Văn V đều thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Hiện nay anh Nguyễn Văn V chị Trần Thị L đều không mong muốn tiếp tục chung sống với nhau. Căn cứ vào khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Lan, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn V.

[4] Về nuôi con chung: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn V khai nhận vợ chồng có 03 con chung tên là Nguyễn Tiến H, sinh năm 2005; Nguyễn Văn H, sinh năm 2009 và Trần Nguyễn Tiến Th, sinh năm 2014. Lời khai của chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn V phù hợp với giấy khai sinh đứng tên Nguyễn Tiến H, Nguyễn Văn H và Trần Nguyễn Tiến Th đã được giao nộp hợp pháp.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn V có nguyện vọng nuôi dưỡng 03 cháu, chị Trần Thị L có nguyện vọng nuôi dưỡng hai cháu nhỏ. Xét, anh Nguyễn Văn V làm thợ hồ, chị Trần Thị L làm thuê, thu nhập trung bình của anh Nguyễn Văn V và chị Trần Thị L trung bình khoảng 4 triệu đến 5 triệu/ 1 tháng. Trường hợp giao 03 cháu cho một bên cha hoặc mẹ nuôi dưỡng sẽ tạo gánh nặng về kinh tế cho việc trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Mặt khác, với công việc và thu nhập hiện tại của anh Nguyễn Văn V, chị Trần Thị L thì việc giao 03 con chung cho một bên nuôi dưỡng

sẽ không đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung phát triển đầy đủ, không đảm bảo thời gian đưa đón con chung đi học, vui chơi, giải trí nên cần giao cho mỗi bên cha, mẹ trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc một đến hai con chung là phù hợp.

Xét, cháu Nguyễn Tiến H có nguyện vọng được sống với ba (anh Nguyễn Văn V) (bút lục số 19), cháu Nguyễn Văn H có nguyện vọng được sống với mẹ (chị Trần Thị L) (bút lục số 20) nên cần tôn trọng nguyện vọng của cháu Nguyễn Tiến H và cháu Nguyễn Văn H.

Đối với cháu Trần Nguyễn Tiến Th mới 05 tuổi cần sự chăm sóc thường xuyên, chu đáo, tỷ mỉ của người mẹ hơn là người cha. Mặt khác, chị Trần Thị L có nhà cửa ổn định, thời gian vừa qua chị Trần Thị L trực tiếp chăm sóc cháu Trần Nguyễn Tiến Th sự phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần. Xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của cháu Trần Nguyễn Tiến Th theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị L, giao cháu Trần Nguyễn Tiến Th cho chị Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị Trần Thị L anh Nguyễn Văn V không yêu cầu về giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về chia tài sản chung: Anh Nguyễn Văn V chị Trần Thị L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn V chị Trần Thị L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định *“Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”*. Do đó, nguyên đơn chị Trần Thị L phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[9] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn V.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Tiến H, sinh năm 2005 cho anh Nguyễn Văn V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Giao cháu Nguyễn Văn H, sinh năm 2009 và Trần Nguyễn Tiến Th, sinh năm 2014 cho chị Trần Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Bên không trực tiếp nuôi con được quyền đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con hoặc có sự thay đổi khác.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn V, chị Trần Thị L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về chia tài sản chung: Anh Nguyễn Văn V, chị Trần Thị L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn V, chị Trần Thị L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

6. Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị L phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0009746 ngày 07 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước *(đã nộp xong)*

7. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19-11-2019).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh